

Bản án số: 338/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 03-9-2026
V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình
xin ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Ngô Hữu Ha
Ông Hà Bửu Khánh
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 978/2026/TLST - HNGĐ, ngày 02 tháng 6 năm 2026 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình - xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Quốc N (tên thường gọi Cấn) - Sinh năm: 1988 Có mặt.
- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Đ - Sinh năm: 1988. Vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Ấp X, xã H, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn - Anh Phạm Quốc N trình bày:
Anh N và chị Đ tự tìm hiểu nhau khoảng 02 năm, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào ngày tháng 04 năm 2009, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh An Giang. Vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống không hòa hợp, không tin tưởng nhau, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn trong thời gian dài, không hạnh phúc. Mặc dù cả hai đã tự

sửa đổi nhưng cũng không thể hàn gắn được tình cảm nên đã chấm dứt quan hệ vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc nhau từ năm 2018 cho đến nay. Nay anh N cương quyết yêu cầu ly hôn với chị Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung tên Phạm Ngọc H - sinh ngày: 09/12/2009, Phạm Ngọc H1 - sinh ngày: 02/8/2011 và Phạm Có N1 - sinh ngày: 24/01/2017. Hiện 03 con đang chung sống với anh N, anh N yêu cầu được tiếp tục nuôi 03 con, không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con do anh đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - Chị Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án cấp, tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Quốc N khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung với chị Nguyễn Thị Đ. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình - xin ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã H, tỉnh An Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2025 thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng, tham gia phiên tòa nhưng chị Đ vắng mặt không rõ lý do. Xét thấy sự vắng mặt của chị Đ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân:

Anh Phạm Quốc N và chị Nguyễn Thị Đ cưới nhau vào năm 2009, anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Anh N xác định cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018, sau đó vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự tin tưởng, quan tâm chăm sóc nhau. Anh N và chị Đ đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.....*”. Anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ

của vợ chồng, vợ chồng không sống chung trong một khoảng thời gian dài, không quan tâm, chăm sóc nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Đ không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh N và không đến Tòa án tham gia tố tụng. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh chị ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận cho anh Phạm Quốc N được ly hôn với chị Nguyễn Thị Đ.

[2.2] Về con chung:

Theo trình bày của anh N và giấy khai sinh có cơ sở xác định vợ chồng có 03 con chung là Phạm Ngọc H - sinh ngày: 09/12/2009, Phạm Ngọc H1 - sinh ngày: 02/8/2011 và Phạm Có N1 - sinh ngày: 24/01/2017.

Xét thấy hiện các cháu đang chung sống ổn định với anh N. Các cháu H, H1 và cháu N2 đã trên 07 tuổi và có văn bản thể hiện nguyện vọng muốn tiếp tục chung sống với anh N, chị Đ không có ý kiến phản đối về yêu cầu nuôi con của anh N. Anh N đảm bảo các điều kiện chăm sóc và giáo dục con. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao các cháu H, H1 và cháu N1 cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị Đ được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng:

Do anh N không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung:

Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

Anh N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 307494 ngày 26/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Phạm Quốc N được ly hôn với chị Nguyễn Thị Đ.

2. Về con chung: Giao 03 cháu là Phạm Ngọc H - sinh ngày: 09/12/2009, Phạm Ngọc H1 - sinh ngày: 02/8/2011 và Phạm Có N1 - sinh ngày: 24/01/2017 cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị Đ được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 307494 ngày 26/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, anh N được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 03-9-2026. Chị Đ được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSNDKV5-AG;
- Phòng THADS KV5-AG;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Nguyễn Thúy An

